

Bản án số: 203/2026/DS-PT  
Ngày 20 tháng 4 năm 2026  
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Sơn

*Các Thẩm phán:* Ông Cao Minh Lễ, bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 18/2026/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2026; tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 128/2025/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2025, của Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 82/2026/QĐXX-PT ngày 24 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1965; nơi cư trú: Số D, tổ A, ấp M, xã L, tỉnh An Giang (trước đây là số 400, tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang) (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; nơi cư trú: Ấp M, xã L, tỉnh An Giang (trước đây là ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bà N có bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1958, địa chỉ cư trú: ấp M, xã L, tỉnh An Giang, theo văn bản ủy quyền ngày 23/3/2026. (có mặt).

Bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn có Luật sư Trần Quang A – Văn phòng Luật sư Trần Quang A thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A. Địa chỉ: Số A, T, phường L, tỉnh An Giang. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Châu Hoàng N1, sinh năm 1993; nơi cư trú: Ấp M, xã L, tỉnh An Giang (trước đây là ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang) (vắng mặt);

3.2. Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1961; nơi cư trú: Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (trước đây là ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

3.3. Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp M, xã L, tỉnh An Giang (trước đây là ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

*Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị N là bị đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M trình bày:*

Vào khoảng năm 2021, bà Trần Thị Ngọc M có cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất cho vay 02%/tháng, việc cho vay không có lập văn bản. Nguồn gốc số tiền 300.000.000 đồng do bà Trần Thị Ngọc M vay của bà Nguyễn Thị Thùy T để cho bà Nguyễn Thị N vay lại. Sau đó, bà Nguyễn Thị N đi Hàn Quốc nên không trả nợ cho bà Trần Thị Ngọc M theo thỏa thuận nên bà Trần Thị Ngọc M tham gia chơi hội dùm cho bà Nguyễn Thị N đối với đây hội do bà Nguyễn Thị Kim P làm chủ hội, tham gia 02 phần hội, mỗi phần 2.000.000 đồng, hằng tháng thì bà Nguyễn Thị N đóng tiền hội; quá trình tham gia góp hội, bà Trần Thị Ngọc M hốt được số tiền khoảng hơn 68.000.000 đồng và cộng thêm tiền nhà nên được số tiền 70.000.000 đồng để trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T thay bà Nguyễn Thị N. Đến năm 2024, bà Nguyễn Thị N về Việt Nam nên bà Trần Thị Ngọc M mới lập biên nhận nợ và ghi ngày trong biên nhận là ngày 18/7/2022 (dương lịch, tương ứng với ngày 03/6/2022 âm lịch), nhưng bà Nguyễn Thị N không đồng ý và yêu cầu ghi đúng ngày lập biên nhận nợ, nên bà Trần Thị Ngọc M mới sửa lại ngày trong biên nhận là ngày 18/02/2024 và được thể hiện theo “Biên nhận mượn tiền ngày 18/02/2024”, nội dung biên nhận thể hiện bà Nguyễn Thị N còn nợ lại bà Trần Thị Ngọc M số tiền 230.000.000 đồng, thời hạn vay không xác định, lãi suất cho vay là 02%/tháng.

Sau khi lập “Biên nhận mượn tiền ngày 18/02/2024”, bà Nguyễn Thị N có trả được 01 tháng tiền lãi với số tiền 5.000.000 đồng thì ngưng trả lãi cho đến nay. Ngoài ra, vào ngày 10/01/2024 (âm lịch), ông Châu Hoàng N1 (con của bà Nguyễn Thị N) có trả cho bà Trần Thị Ngọc M tại nhà của bà Nguyễn Thị N số tiền 26.000.000 đồng. Hiện nay, bà Nguyễn Thị N còn nợ lại bà Trần Thị Ngọc M số tiền vốn gốc là 204.000.000 đồng. Do đó, bà Trần Thị Ngọc M khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả số tiền vốn gốc là 204.000.000 (hai trăm lẻ bốn triệu) đồng và tiền lãi từ ngày 04/6/2022 đến ngày xét xử, theo mức lãi suất 2%/tháng.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:* Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc M thì bà Nguyễn Thị N không đồng ý. Lý do bà Nguyễn Thị N không đồng ý vì bà Nguyễn Thị N chỉ nợ tiền vốn của bà Trần Thị Ngọc M là 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng và tiền lãi 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng nhưng bà Trần Thị Ngọc M viết biên nhận với nội dung là bà Nguyễn Thị N nợ bà Trần Thị Ngọc M số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng và

kêu bà Nguyễn Thị N ký tên, lăn tay vào biên nhận nên bà Nguyễn Thị N mới ký tên, lăn tay vào biên nhận. Ngày, tháng, năm lập biên nhận thì bà Nguyễn Thị N không nhớ. Đối với chữ ký, dấu vân tay tên Nguyễn Thị N trong “Biên nhận mượn tiền ngày 18/02/2024” do bà Trần Thị Ngọc M cung cấp là chữ ký, dấu vân tay của bà Nguyễn Thị N, nhưng thời điểm lập biên nhận đối với số tiền 230.000.000 đồng là vào năm 2022, không phải ngày, tháng, năm được thể hiện trong “Biên nhận mượn tiền ngày 18/02/2024” do bà Trần Thị Ngọc M cung cấp. Biên nhận nợ chỉ lập có một bản và do bà Trần Thị Ngọc M giữ.

Từ thời điểm làm biên nhận có nợ với số tiền là 230.000.000 đồng thì bà Nguyễn Thị N vẫn có đóng lãi theo lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng đối với số tiền 230.000.000 đồng.

Đến năm 2023, bà Nguyễn Thị N có nhờ bà Trần Thị Ngọc M tham gia chơi hụi dùm cho bà Nguyễn Thị N đối với 02 dây hụi do người tên P (không rõ họ, địa chỉ thuộc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang) làm chủ hụi. Sau đó, bà Trần Thị Ngọc M hốt hụi đối với 02 chân hụi này với số tiền 55.000.000 đồng và cộng thêm tiền của bà Nguyễn Thị N là 25.000.000 đồng, tổng số tiền mà bà Nguyễn Thị N trả cho bà Trần Thị Ngọc M là 80.000.000 đồng. Sau khi trả số tiền 80.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị N có yêu cầu bà Trần Thị Ngọc M xác nhận trên giấy nợ thì bà Trần Thị Ngọc M trả lời đã làm mất biên nhận nợ và bà Trần Thị Ngọc M có xác nhận trên tờ giấy khác với số tiền cụ thể mà bà Nguyễn Thị N còn nợ lại số tiền là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Sau thời gian đó thì bà Nguyễn Thị N vẫn đóng lãi 5%/tháng đối với số tiền 150.000.000 đồng cho đến nay.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Hoàng N1 thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị N và trình bày bổ sung:* Biên nhận nợ chỉ lập có một bản và do bà Trần Thị Ngọc M giữ, có sự chỉnh sửa năm trong “Biên nhận mượn tiền ngày 18/02/2024” từ năm 2022 thành năm 2024. Tuy nhiên, ông Châu Hoàng N1 không yêu cầu thực hiện thủ tục giám định các chữ số đã bị chỉnh sửa. Ông Châu Hoàng N1 không nhớ có trả cho bà Trần Thị Ngọc M số tiền 26.000.000 đồng được thể hiện trong phần phụ chú của “Biên nhận mượn tiền ngày 18/02/2024” như lời của bà Trần Thị Ngọc M hay không.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2025/DS-ST ngày 20/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang đã xử:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc M đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả số tiền vốn gốc là 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc M.

Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Ngọc M nợ gốc và lãi của khoản vay theo “Biên nhận mượn tiền ngày 18/02/2024” như sau: Vốn gốc là: 204.000.000 (hai trăm lẻ bốn triệu) đồng; tiền lãi từ tháng 8/2022 đến tháng 9/2025: 118.542.000 (một trăm mười tám triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo, thời gian thi hành án khi án có hiệu lực.

Ngày 16/11/2025, bị đơn Nguyễn Thị N kháng cáo yêu cầu xem xét cho đúng pháp luật, cần thiết cho giám định chữ số ngày tháng năm do bà M tự viết xác nhận số tiền còn thiếu bà M chỉ 160.720.000 đồng.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm,**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau và không cung cấp chứng cứ mới;

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu ý kiến: Số tiền bà M kiện bà N 230.000.000đ, bà N cho rằng có nhờ bà M chơi hụi dùm 2 phần, hốt được hơn 80 triệu, trừ vào phần nợ nên chỉ còn thiếu bà M 160.000.000đ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà N, sửa án sơ thẩm;

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Thu H trình bày, chỉ đồng ý trả nợ gốc 160.000.000 đồng và tính lãi theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; tuy nhiên về lãi suất do các bên có tranh chấp về lãi suất cho vay, nên cần điều chỉnh lại lãi suất 10%/năm cho đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N, sửa bản án sơ thẩm về tính lãi suất, buộc bà N có nghĩa vụ trả vốn 204.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm kể từ tháng 8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, bà N là người cao tuổi Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí theo pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị N nộp đơn kháng cáo hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị N thì thấy:

[2.1] Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2025, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả số tiền vay là 230.000.000 đồng, căn cứ là biên nhận nợ ngày 18/02/2024.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trần Thị Ngọc M tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 26.000.000 đồng, việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; do đó, cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của bà M là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả số tiền vốn gốc còn lại là 204.000.000 đồng và tiền lãi suất 1,66%/tháng, từ tháng 8/2022 cho đến ngày 9/2025, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà M trình bày có cho bà N vay số tiền 300.000.000 đồng, việc cho vay không lập văn bản. Sau đó, bà N thanh toán được 70.000.000 đồng, còn nợ lại 230.000.000 đồng, nên hai bên lập “Biên nhận mượn tiền ngày 18/02/2024”. Đến ngày 10/01/2024 (âm lịch), bà N tiếp tục thanh toán được 26.000.000 đồng, nên số tiền còn nợ là 204.000.000 đồng, thì không tiếp tục thanh toán nợ cho đến nay. Do đó, bà M yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả số tiền vốn gốc còn nợ là 204.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.3] Đối với “Biên nhận nợ tiền” ngày 18/02/2024. Tài liệu thể hiện ban đầu ghi “ngày 11/7/2022”, nhưng bà N không đồng ý yêu cầu ghi đúng ngày lập biên nhận nợ, nên bà M mới sửa lại ngày trong biên nhận là “ngày 18/02/2024”, nội dung biên nhận thể hiện bà Nguyễn Thị N còn nợ lại bà Trần Thị Ngọc M số tiền 230.000.000 đồng, không xác định thời hạn vay, không xác định lãi suất.

Sau khi lập biên nhận, bà N có trả được 01 tháng tiền lãi với số tiền 5.000.000 đồng thì ngưng trả lãi cho đến nay. Ngoài ra, vào ngày 10/01/2024 (âm lịch), ông Châu Hoàng N1 (con của bà Nguyễn Thị N) có trả cho bà Trần Thị Ngọc M số tiền 26.000.000 đồng, việc này bà M thừa nhận.

[2.4] Bà N thừa nhận chữ ký, dấu vân tay trong biên nhận mượn tiền ngày 18/02/2024” là của bà Nguyễn Thị N; nhưng bà N cho rằng chỉ nợ tiền vốn của bà M là 210.000.000 đồng và tiền lãi 20.000.000 đồng; đến năm 2023, bà N trả cho bà M số tiền 80.000.000 đồng; bà N còn nợ lại bà M số tiền **150.000.000 đồng**. Hằng tháng, bà N vẫn đóng lãi 5%/tháng đối với số tiền 150.000.000 đồng từ khi vay cho đến nay, nên bà N không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà M. Xét thấy, lời khai nại của bà N không được bà M thừa nhận, bà N cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ xem xét theo ý kiến của bà N. Việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà M buộc bà N trả tiền vốn 204.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[3] Về lãi suất: Bà N cho rằng hằng tháng có trả lãi cho bà M với lãi suất 5%/tháng đối với số tiền 150.000.000 đồng từ khi vay cho đến nay nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, lời khai còn mâu thuẫn, nên không có căn cứ xem xét. Việc bà N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lãi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; yêu cầu tính lãi của bà M đối với số tiền vốn gốc 204.000.000 đồng từ tháng 8/2022

đến tháng 9/2025 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên, do các bên có tranh chấp về mức lãi suất, bà M cho rằng lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, còn bà N thì nói 5%/tháng; các đương sự có tranh chấp về lãi suất, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó, buộc bà N có nghĩa vụ trả lãi cho M là:  $204.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 35 \text{ tháng} = 59.262.000 \text{ đồng}$ . Tổng cộng vốn và lãi bà N phải trả cho M số tiền là:  $204.000.000 \text{ đồng} + 59.262.000 \text{ đồng} = 263.262.000 \text{ đồng}$ .

[4] Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Do bà **Nguyễn Thị N** là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148; Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2025/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc M đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả số tiền vốn gốc là 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc M. Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Ngọc M, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 263.262.000 đồng (trong đó tiền vốn gốc 204.000.000 đồng, tiền lãi 59.262.000 đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: **Bà Nguyễn Thị N được miễn toàn bộ tiền án phí.**

H1 lại cho bà Trần Thị Ngọc M số tiền 8.815.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0024131 ngày 21/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới (nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11- An Giang).

Các phần khác quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 128/2025/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- TANDTC (1)
- VKSND. AG (1)

- THA Dân sự tỉnh An Giang.
- TAND Khu vực (1)
- THA Khu vực (1).
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đương sự “Đề thi hành”
- *Lưu: HS.*

**Nguyễn Văn Sơn**